TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 542/2023/HNGĐ-TLST ngày 29/11/2023, về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Đài Loan.

Người được bà T ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Ông Đặng Thái L, sinh năm 1985; địa chỉ: KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Diệp Văn T1,** sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Bà T1, ông T1 đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do được mai mối nên năm 1990 (khi chưa đủ tuổi kết hôn) bà đã chung sống cùng với ông Diệp Văn T1, đến ngày 06 tháng 4 năm 1991 thì mới đến Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (nay là thành phố C) tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, ông T1 nhiều lần đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà và gia đình. Tuy nhiên do các con còn nhỏ nên bà đã chịu đựng sống cùng ông T1. Năm 2010 bà đi Malaysia lao động, sau đó năm 2019 bà về Việt Nam và tiếp tục sang Đài Loan lao động cho đến nay, vợ chồng không liên lạc, cũng không quan tâm đến nhau. Tháng 11/2023, bà về Việt Nam chơi, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn và hoàn thiện các giấy tờ gửi Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Diệp Văn T1.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T1 có 3 con chung là Diệp Văn H, sinh năm 1991, Diệp Thế A, sinh năm 1992 và Diệp Văn T2, sinh năm 1997. Hiện nay các con đều trưởng thành, khỏe mạnh và có gia đình riêng bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Diệp Văn T1 trình bày: Ông có biết việc bà Nguyễn Thị T làm đơn xin ly hôn ông tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Do bà T sinh sống ở nước ngoài trong nhiều năm, không quan tâm đến chồng con, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông không còn tình cảm và không liên lạc với bà T. Tháng 11/2023, bà T về Việt Nam nhưng ông đã đuổi, không cho bà về nhà, bà T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay bà T thấy ông bệnh tật, kinh tế khó khăn nên làm đơn ly hôn, ông không đồng ý vì bà T thiếu trách nhiệm với gia đình. Trường hợp bà T không rút đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà T có 3 con chung là Diệp Văn H, sinh năm 1991, Diệp Thế A, sinh năm 1992 và Diệp Văn T2, sinh năm 1997. Hiện nay các con đều trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do ông không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không phải triệu tập ông đến phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà T1 được ly hôn ông T1; về án phí: bà T1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn T1 đều có địa chỉ tại thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện tại bà T1 đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Tài liệu của bà T1 gồm đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị đều có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C nên có cơ sở xác định những văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của bà T1.

[3] Bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn T1 đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung:

[5] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 06/4/1991, do vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định, ông bà chung sống hòa thuận với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T1 xác định nguyên nhân là do ông T1 thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, còn ông T1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T1 đi nước ngoài, không quan tâm và không có trách nhiệm với chồng con. Bà T1 thấy không còn tình cảm với ông T1 nên xin ly hôn; ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng bản thân ông T1 cũng xác định không còn tình cảm với bà T1, khi bà T1 về Việt Nam, ông đã đuổi bà T1, không cho về nhà; trước khi bà T1 xin ly hôn cũng như quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T1 không có bất kỳ biện pháp nào để hòa giải, cũng như cải thiện mối quan hệ hôn nhân; việc ông T1 không đồng ý ly hôn là vì bức xúc với bà T1 chứ không thể hiện nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T1 và bà T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà T ly hôn ông Diệp Văn T1.

[6] Về quan hệ con chung: Các con của ông T1, bà T1 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Diệp Văn T1 không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Diệp Văn T1.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000336 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Diệp Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Bắc An;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu